

Bản án số: 04/2025/HS-ST

Ngày 22-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X – Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Tiễn.

Bà Trần Thị Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực X – Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X – Đ tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực X – Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Ngọc V, giới tính: Nam; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1992, tại thành phố T, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ 4, thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Q nay là tổ 4, thôn P, phường Q, thành phố Đ; Con ông Trần Văn T (sinh năm 1968) và bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1967); gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 2; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Ngày 03/01/2024, bị Công an thành phố T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong ngày 29/01/2024.

Tiền án: Ngày 12/7/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành án xong ngày 04/01/2025.

Nhân thân: Ngày 31/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố T tuyên phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/3/2025. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty cổ phần xây dựng N; Địa chỉ: Lô C3, KDC Đ, phường A, thành phố T, tỉnh Q nay là Lô C3, KDC Đ, phường H, thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh C – Giám đốc; địa chỉ: Khối phố 5, phường A, thành phố T, tỉnh Q nay là khối phố 5, phường T, thành phố Đ. Vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Trí B – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967; địa chỉ: tổ 4, thôn P, phường Q, thành phố Đ. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Viêt T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố Đ. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Khối phố T, phường B, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 25/01/2025, Trần Ngọc V điều khiển xe mô tô biển số 92N1-xxx.65 để đi dạo chơi. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, V đến khu vực đất trống tại khu T, khối phố T, phường B, thành phố Đ thì thấy các thanh sắt nhô lên ở trên nắp hầm hố ga cống thoát nước. Trần Ngọc V dừng xe lại, bước xuống xe đi đến gần nắp hầm hố ga cống thoát nước. V bẻ 08 thanh sắt trên cùng một nắp hầm hố ga cống thoát nước của Công ty Cổ phần xây dựng N. Sau đó, V cầm 08 thanh sắt bỏ lên xe thì bị ông Bùi Văn T phát hiện rút chìa khóa xe không cho V đi và điện thoại trình báo cho Công an phường T (nay là công an phường B). Công an phường B đã tiến hành lập biên bản sự việc và tạm giữ tang vật liên quan.

* Tang vật tạm giữ: 08 (tám) thanh sắt có in chữ VAS CB3 d12, có chiều dài lần lượt 60cm, 62cm, 64cm, 65cm, 69cm, 74cm (02 thanh sắt cùng kích thước), 76cm. Tổng trọng lượng 4,5kg.

* Tại kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 17/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 08 (tám) thanh sắt có in chữ VAS CB3 d12, có chiều dài lần lượt 60cm, 62cm, 64cm, 65cm, 69cm, 74cm (02 thanh sắt cùng kích thước), 76cm. Tổng trọng lượng 4,5kg trị giá 31.500 đồng (ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSTK-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X – Đ) đã truy tố bị cáo Trần Ngọc V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 173, điểm h, p, s khoản 1, điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm

2017), xử phạt bị cáo Trần Ngọc V với mức án tù từ 06 đến 09 tháng tù, không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác trong vụ án: theo nội dung đề nghị tại bản cáo trạng.

- Tại phiên Tòa, người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc V thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, bị cáo là người khuyết tật nặng để xem xét mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X – Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Trần Ngọc V đã bị xử phạt vi phạm hành chính và đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chưa được xóa án tích nhưng vào khoảng 13 giờ ngày 15/01/2025, tại khối phố T phường B, thành phố Đ, bị cáo Trần Ngọc V có hành vi trộm cắp 08 thanh sắt trên cùng một nắp hầm hố ga cống thoát nước của Công ty xây dựng N trị giá 31.500 đồng (ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố T nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X – Đ truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ và làm mất an toàn trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với bị cáo mới đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tố tụng, bị cáo Trần Ngọc V đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người khuyết tật nặng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tuy nhiên, bị cáo có tiền sự; tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”: ngày 03/01/2024, bị Công an thành phố T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 12/7/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố T tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 31/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố T tuyên phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Đây là tình tiết cần cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: đại diện Công ty Cổ phần xây dựng N (ông Trần Minh C) không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 08 (tám) thanh sắt có in chữ VAS CB3 d12, có chiều dài lần lượt 60cm, 62cm, 64cm, 65cm, 69cm, 74cm (02 thanh sắt cùng kích thước), 76cm, tổng trọng lượng 4,5kg của Công ty Cổ phần xây dựng N: qua điều tra xác minh đây là tài sản của bị hại là Công ty Cổ phần xây dựng N nên cần trả lại cho bị hại.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DREAM, trên lốc máy xe in chữ CPI, màu nâu trắng, biển kiểm soát 92N1-xxx.65: qua xác minh là xe của Nguyễn Thị B (mẹ bị cáo V), bà B không biết việc Trần Ngọc V lấy xe đi trộm cắp, Trần Ngọc V khai tự ý lấy đi nên cần trả lại xe mô tô trên cho bà B là có cơ sở.

[6]. Về án phí: Bị cáo là người khuyết tật nặng, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1 Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 173; điểm h, p, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc V phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc V 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 31/3/2025).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại 08 (tám) thanh sắt có in chữ VAS CB3 d12, có chiều dài lần lượt 60cm, 62cm, 64cm, 65cm, 69cm, 74cm (02 thanh sắt cùng kích thước), 76cm, tổng trọng lượng 4,5kg cho Công ty Cổ phần xây dựng N.

- Trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu DREAM, trên lốc máy xe in chữ CPI, màu nâu - trắng, biển kiểm soát 92N1-xxx.65 cho bà Nguyễn Thị B.

(Vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực X - Đ) theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 27/5/2025)

3. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc V được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đ;
- VKSND khu vực X;
- VKSND tp Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an tp Đ;
- Sở Tư pháp thành phố Đ;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Đ;
- Phòng THADS khu vực X – Đ;
- Bị cáo, người TGGT khác; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Huỳnh Lý